

Số: 77 /TT-UBND

Yên Thế, ngày 14 tháng 7 năm 2017

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị thông qua điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020
huyện Yên Thế**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 04/5/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2010-2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện Yên Thế;

Căn cứ Nghị quyết 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh về việc thông qua Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 18/12/2015 của HĐND huyện Yên Thế về việc thông qua phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Yên Thế;

Căn cứ báo cáo thuyết minh và nhu cầu sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

UBND huyện kính trình và đề nghị HĐND huyện thông qua điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 với nội dung cụ thể như sau:

Tổng diện tích 807,85ha, trong đó:

- Đất nông nghiệp: Chuyển mục đích nội bộ đất nông nghiệp 85,84ha.
- Chuyển sang đất phi nông nghiệp 722,01 ha, trong đó: Đất quốc phòng 2,2 ha; đất an ninh 3,6 ha; đất cụm công nghiệp 20 ha; đất thương mại, dịch vụ 21,2 ha; đất cơ sở sản xuất, kinh doanh 8,01 ha; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 71,67 ha; đất di tích lịch sử, văn hóa 11,59 ha; đất giao thông 24,48 ha; đất thủy lợi 3,06; đất công trình năng lượng 183,78 ha; đất công trình bưu chính viễn thông 0,05 ha; đất y tế 1,75 ha; đất cơ sở giáo dục, đào tạo 4,53 ha;

đất văn hóa 6,65 ha; đất thể dục, thể thao 24,68 ha; đất bãi thải xử lý chất thải 15,54 ha; đất ở nông thôn 147,67 ha; đất ở đô thị 38,97 ha; đất trụ sở cơ quan 2,37 ha; đất cơ sở tôn giáo 1,37 ha; đất làm nghĩa trang, nghĩa địa 38,24 ha; đất vật liệu xây dựng 27,55 ha; đất sinh hoạt cộng đồng 11,1 ha; đất khu vui chơi, giải trí công cộng 3,95 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 48 ha.

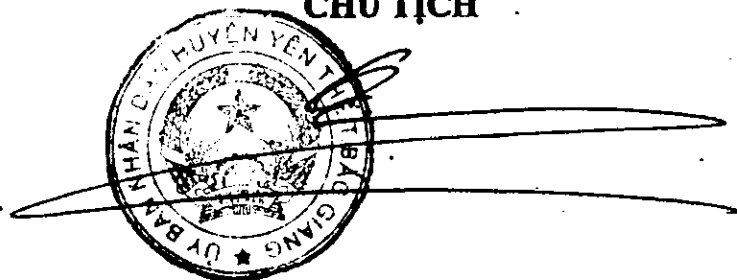
(Chi tiết có Báo cáo thuyết minh và biểu kèm theo).

UBND huyện đề nghị HĐND xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HU, HĐND;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các đại biểu dự kỳ họp thứ 4, HĐND huyện khóa XXI;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Trí Hải

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

NO-HĐND

Yên Thế, ngày tháng 7 năm 2017

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020
huyện Yên Thế**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ KHÓA XXI
KÌ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 04/5/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2010-2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện Yên Thế;

Căn cứ Nghị quyết 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh về việc thông qua Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 18/12/2015 của HĐND huyện Yên Thế về việc thông qua phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Yên Thế;

Xét đề nghị của UBND huyện tại Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 7 năm 2017;

Sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế- Xã hội và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND huyện,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 với tổng diện tích 807,85ha, trong đó:

- Đất nông nghiệp: Chuyển mục đích nội bộ đất nông nghiệp 85,84ha.

- Chuyển sang đất phi nông nghiệp 722,01ha, trong đó: Đất quốc phòng 2,2 ha; đất an ninh 3,6 ha; đất cụm công nghiệp 20 ha; đất thương mại, dịch vụ 21,2 ha; đất cơ sở sản xuất, kinh doanh 8,01 ha; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 71,67 ha; đất di tích lịch sử, văn hóa 11,59 ha; đất giao thông 24,48 ha; đất

thủy lợi 3,06; đất công trình năng lượng 183,78 ha; đất công trình bưu chính viễn thông 0,05 ha; đất y tế 1,75 ha; đất cơ sở giáo dục, đào tạo 4,53 ha; đất văn hóa 6,65 ha; đất thể dục, thể thao 24,68 ha; đất bãi thải xử lý chất thải 15,54 ha; đất ở nông thôn 147,67 ha; đất ở đô thị 38,97 ha; đất trụ sở cơ quan 2,37 ha; đất cơ sở tôn giáo 1,37 ha; đất làm nghĩa trang, nghĩa địa 38,24 ha; đất vật liệu xây dựng 27,55 ha; đất sinh hoạt cộng đồng 11,1 ha; đất khu vui chơi, giải trí công cộng 3,95 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 48 ha.

(Cụ thể có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao cho UBND huyện hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt; tổ chức thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện với HĐND theo quy định.

Thường trực HĐND, các ban HĐND, các đại biểu HĐND huyện phối hợp với Ủy ban MTTQ, các đoàn thể nhân dân tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Yên Thế khóa XXI, kỳ họp thứ tư thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- VP đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- TT HU, HĐND;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các ban HĐND, các đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban ngành đoàn thể huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lưu Xuân Vượng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39 /BC- UBND

Yên Thế, ngày 14 tháng 7 năm 2017

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TÓM TẮT
PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020**

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2009/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh về việc thông qua Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc thông qua danh mục các công trình dự án được phép thu hồi đất; các công trình, dự án được phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất trồng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2015 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc thông qua danh mục các công trình dự án được phép thu hồi đất; các công trình, dự án được phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất trồng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2016 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc thông qua danh mục các công trình dự án được phép thu hồi đất; các công trình, dự án được phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất trồng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2017 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 04/5/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2010-2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện Yên Thế;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 18/12/2015 của HĐND huyện Yên Thế về việc thông qua phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Yên Thế;

Căn cứ thực tế, nhu cầu sử dụng đất trên địa bàn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội cần phải bổ sung, điều chỉnh các chỉ tiêu sử dụng đất trên các lĩnh vực đã đăng ký trên địa bàn huyện.

II. SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Năm 2010, thực hiện Luật Đất đai năm 2003, UBND huyện đã xây dựng Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2010-2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2011-2015) trình HĐND huyện thông qua và đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 04/5/2013.

Thực hiện Luật đất đai năm 2013 và các văn bản chỉ đạo của Sở Tài nguyên và Môi trường (*Công văn số 540/TNMT-KHTC ngày 14/4/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc triển khai điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất năm đầu 2016 của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất các huyện, thành phố; Công văn số 1271/ TNMT-KHTC ngày 16/7/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất để điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, lập kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang*). UBND huyện đã lập tờ trình, trình HĐND huyện đề nghị điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp huyện và đã được HĐND huyện thông qua tại Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 18/12/2015 với tổng diện tích là 861,78 ha.

Tuy nhiên đến nay việc thực hiện các chỉ tiêu trong quy hoạch được phê duyệt tại Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 18/12/2015 của HĐND huyện chỉ đạt 169,19ha/861,78ha, chiếm tỷ lệ 19,63% so với quy hoạch, đạt tỷ lệ rất thấp. Các chỉ tiêu có trong quy hoạch không còn sát và đáp ứng được quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Mặt khác để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, thu hút các dự án, xây dựng quy hoạch một cách hợp lý giữa các chỉ tiêu của từng loại đất, tránh lãng phí đất đai việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2020 là hết sức cần thiết.

(cụ thể có biểu 01 kèm theo)

UBND huyện trình kỳ họp thứ tư, HĐND huyện khóa XXI thông qua điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Yên Thế. Nội dung điều chỉnh quy hoạch so với Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 18/12/2015 của HĐND huyện cụ thể như sau:

- Các dự án không có khả năng thực hiện đưa ra khỏi quy hoạch: Cụm công nghiệp Mỏ Trạng, Cụm công nghiệp La Lanh- Trảng Bần, cụm công nghiệp Xuân Lương, chợ Đồng Tiến, Đồng Hưu, Đồng Sơn...

- Các công trình, dự án mới phát sinh bổ sung vào quy hoạch, gồm: Nhà máy điện năng lượng mặt trời xã Đồng Tiến, Nhà máy điện năng lượng mặt trời xã Tam Tiến- Tam Hiệp, Khu đất ở phố Hoàng Hoa Thám (Trụ sở TCKH, TNMT, UBND TT Cầu Gò cũ)...

- Các công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định điều chỉnh hoặc có văn bản chấp thuận đầu tư, gồm: Đất vật liệu xây dựng bản Đồng Tân xã Đồng Vương, thôn Trường Sơn, xã Đông Sơn; trang trại chăn nuôi và trồng cây ăn quả bản Đồng An, xã Đồng Tiến và bản Hố Tre, xã Tam Tiến, bản Ven xã Xuân Lương...

- Các công trình, dự án xin điều chỉnh địa điểm, diện tích, loại đất: Mở rộng trường THCS Hoàng Hoa Thám, Trụ sở Công an huyện, Chi cục Thi hành án, Chi cục Thuế, Bảo hiểm xã hội huyện....

(cụ thể có biểu 02 kèm theo)

Tổng diện tích điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020: 807,85 ha, giảm 53,93 ha so với Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 18/12/2015 của HĐND huyện, trong đó:

- Chuyển nội bộ đất nông nghiệp: 85,84 ha (tăng 85,84 ha so với Nghị quyết số 20/NQ-HĐND).

- Chuyển sang đất phi nông nghiệp: 722 ha (giảm 139,77 ha so với Nghị quyết số 20/NQ-HĐND).

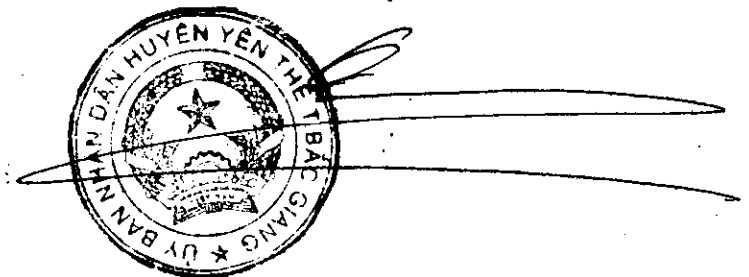
(cụ thể có biểu 03 kèm theo).

Để đảm bảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phù hợp với yêu cầu thực tế và tính khả thi cao, UBND huyện báo cáo và đề nghị HĐND huyện xem xét, thông qua để UBND huyện lập hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt, làm cơ sở tổ chức thực hiện trong thời gian tới./.

Nơi nhận: Q

- TT HU, HĐND;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các đại biểu dự kỳ họp thứ 4, HĐND huyện khóa XXI;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Trí Hải

Biểu 01: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu trong quy hoạch sử dụng đất theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 18/12/2015 của HĐND huyện

STT	Loại đất	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 18/12/2015 của HĐND huyện (ha)	Kết quả thực hiện (ha)	Tỷ lệ (%)
	Đất phi nông nghiệp	861,78	169,19	19,63
1	Đất quốc phòng	93,03	7,2	7,74
2	Đất an ninh	4,9	0	0
3	Đất cụm công nghiệp	116,2	0	0
4	Đất thương mại, dịch vụ	31,99	0	0
5	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	48,25	0,4	0,83
6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	71,35	0	0
7	Đất di tích lịch sử, văn hóa	30,75	0,05	0,16
8	Đất giao thông	69,71	15,7	22,52
9	Đất thủy lợi	98,78	89	90,10
10	Đất công trình năng lượng	0,45	0	0
11	Đất y tế	1,81	0,32	17,68
12	Đất cơ sở giáo dục, đào tạo	11,01	0,001	0,01
13	Đất văn hóa	17,06	0,15	0,88
14	Đất chợ	5,46	0	0
15	Đất thể dục, thể thao	19,25	10,79	56,05
16	Đất trung tâm cụm xã	75	0	0
17	Đất bãi thải xử lý chất thải	17,03	4,39	25,78
18	Đất ở nông thôn	75,97	6	7,90
19	Đất ở đô thị	23,1	17	73,59
20	Đất trụ sở cơ quan	7,08	0	0
21	Đất cơ sở tôn giáo	0,6	0	0
22	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	19,55	18,19	93,04
23	Đất vật liệu xây dựng	10,95	0	0
24	Đất sinh hoạt cộng đồng		0	0
25	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	12,5	0	0

**BIỂU 02: KẾT QUẢ XÂY DỰNG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
SO VỚI NGHỊ QUYẾT SỐ 20/NQ-HĐND NGÀY 18/12/2015 CỦA HĐND HUYỆN**

(Kèm theo Báo cáo số 55/BC-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2017)

STT	Loại đất	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 18/12/2015 của HĐND huyện (ha)	Dự thảo điều chỉnh năm 2017 (ha)	Tăng +, giảm -	Lý do tăng giảm
	Tổng A+B	861,78	807,85	-53,93	
A	Đất nông nghiệp	0	85,84	85,84	
1	Đất nuôi trồng thủy sản	0	7,91	7,91	Nhu cầu nhân dân chuyển nội bộ đất nông nghiệp sang đất nuôi trồng thủy sản
2	Đất nông nghiệp khác	0	77,93	77,93	Dự án trang trại chăn nuôi trên địa bàn huyện đã có quyết định UBND tỉnh phê duyệt: Bán Đồng An- xã Đồng Tiến, bản Ven-xã Xuân Lương...
B	Đất phi nông nghiệp	861,78	722,01	-139,77	
1	Đất quốc phòng	93,03	2,2	-90,83	Cắt bỏ dự án: Căn cứ hậu phương 1, 2 xã Đồng Vương, xã Đồng Tiến
2	Đất an ninh	4,9	3,6	-1,3	Cắt bỏ dự án Đồn công an huyện tại TT Bồ Hạ, Tam Tiến
3	Đất cụm công nghiệp	116,2	20	-96,2	Cắt bỏ dự án: Cụm Công nghiệp La lanh- Tràng Bản, xã Đồng Vương, Cụm CN Bồ Hạ 2, Tam Tiến, Đồng Tiến, Xuân Lương
4	Đất thương mại, dịch vụ	31,99	21,2	-10,79	Cắt bỏ dự án Tổ hợp khách sạn thương mại dịch vụ xã Phồn Xương; bến xe khách TT Bồ Hạ, Mỏ Trạng, xã Xuân Lương, Đồng Tiến, Đồng Hưu...
5	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	48,25	8,01	-40,24	Một số cơ sở sản xuất xin điều chỉnh giảm diện tích, do đăng ký giảm

STT	Loại đất	Ngày quyết số 20/NQ-HBND ngày 18/12/2015 của HBND huyện (ha)	Dự thảo điều chỉnh năm 2017 (ha)	Tăng +, giảm -	Lý do tăng giảm
6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	71,35	71,67	0,32	Đất khai khoáng sản tại xã Xuân Lương xin điều chỉnh tăng diện tích
7	Đất di tích lịch sử, văn hóa	30,75	11,59	-19,16	Khu di tích lịch sử Hoàng Hoa Thám điều chỉnh giảm diện tích, cắt bỏ di tích đền Bai Mết, Ao Rắn xã Đông Tâm
8	Đất giao thông	69,71	24,48	-45,23	Cắt bỏ đường đôi Cầu Gò- Phôn Xuân do đã quy hoạch trong khu dân cư trung tâm xã Phôn Xuân, cắt bỏ một số dự án theo thực tế thực hiện
9	Đất thủy lợi	98,78	3,06	-95,72	Cắt bỏ dự án đề Bô Hà (do đã thực hiện rồi), dự án Hồ Quỳnh chuyên sang đất mặt nước chuyên dùng cho dùng loại đất
10	Đất công trình năng lượng	0,45	183,78	183,33	Tăng do thêm 02 dự án điện năng lượng mặt trời tại xã Đông Tiến, Tam Tiến- Tam Hiệp
11	Đất công trình bưu chính viễn thông		0,05	0,05	Thêm dự án trạm phát sóng vinaphone tại xã Xuân Lương
12	Đất y tế	1,81	1,75	-0,06	Giảm do Trạm y tế điều chỉnh giảm diện tích
13	Đất cơ sở giáo dục, đào tạo	11,01	4,53	-6,48	Cắt bỏ dự án Mỏ rộng tương mắt non TT Cầu Gò, Đông Ky, Đông Tiến
14	Đất văn hóa	17,06	6,65	-10,41	Nhà văn hóa thôn chuyên sang đất sinh hoạt cộng đồng cho dùng loại đất
15	Đất chợ	5,46		-5,46	Cắt bỏ dự án mở rộng chợ TT Cầu Gò, TT Bô Hà, cắt bỏ dự án chợ Đông Tiến, Đông Hưu, Đông Sơn

STT	Loại đất	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 18/12/2015 của HĐND huyện (ha)	Dự thảo điều chỉnh năm 2017 (ha)	Tăng +, giảm -	Lý do tăng giảm
16	Đất thể dục, thể thao	19,25	24,68	5,43	Thêm dự án sân thể thao xã Đồng Kỳ, Canh Nậu
17	Đất trung tâm cụm xã	75		-75	Cắt bỏ do không thực hiện
18	Đất bãi thải xử lý chất thải	17,03	15,54	-1,49	Do điều chỉnh giảm diện tích
19	Đất ở nông thôn	75,97	147,67	71,7	Dự án khu dân cư Phồn Xương điều chỉnh tăng diện tích, đăng ký tăng chuyển mục đích đất xen kẹt trong khu dân cư sang đất ở
20	Đất ở đô thị	23,1	38,97	15,87	Khu dân cư TT Bô Hạ điều chỉnh tăng diện tích, khu đất ở UBND TT cầu Gò Cũ, phường TNMT-TCKH, chuyển mục đích đất xen kẹt trong khu dân cư sang đất ở
21	Đất trụ sở cơ quan	7,08	2,37	-4,71	Cắt bỏ dự án mở rộng trụ sở UBND Đồng Kỳ
22	Đất cơ sở tôn giáo	0,6	1,37	0,77	Bổ sung thêm dự án mở rộng chùa Kỳ Đồng, chùa Đền Giếng xã Hồng kỳ
23	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	19,55	38,24	18,69	Bổ sung thêm một số nghĩa trang, nghĩa địa xã Tân Hiệp, Đông Sơn, Hương Vĩ, Tân Sỏi
24	Đất vật liệu xây dựng	10,95	27,55	16,6	Bổ sung thêm dự án tại xã Đông Sơn, Đồng Hưu, Đồng Vương,
25	Đất sinh hoạt cộng đồng		11,1	11,1	chuyển nhà văn hóa thôn sang cho đúng loại đất

STT	Loại đất	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 18/12/2015 của HĐND huyện (ha)	Dự thảo điều chỉnh năm 2017 (ha)	Tăng +, giảm -	Lý do tăng giảm
26	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	12,5	3,95	-8,55	Cắt bỏ dự án khu vui chơi giải trí xã Tân Sỏi, khu nghi dưỡng Chông Chênh, Chùa Sùng
27	Đất có mặt nước chuyên dùng		48	48	Dự án Hồ Quỳnh chuyển sang đất mặt nước chuyên dùng cho đúng loại đất

BIỂU 03: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020 HUYỆN YÊN THẾ
(Kèm theo Báo cáo số 39/BC-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2017)

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Mã loại đất quy hoạch	Diện tích quy hoạch (ha)	Sử dụng vào loại đất (hiện trạng)	Địa điểm (đến cấp xã)	Năm thực hiện	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
TỔNG A+B		(A+B)	807,85				
A	QUY HOẠCH ĐẤT NÔNG NGHIỆP	(1+2)	85,84				
I	Đất nuôi trồng thủy sản		7,91				
	Nuôi trồng thủy sản tại Đồng Lân, Trại Chuối 1, Trại Chuối 2	NTS	0,93	LUA	xã Đồng Kỳ	2016	
	Nuôi trồng thủy sản tại xã Tân Sỏi	NTS	5,00	LUA	xã Tân Sỏi	2016	
	Nuôi trồng thủy sản tại Khe Ngọn	NTS	0,90	LUA	xã Đồng Tiến	2016-2020	
	Nuôi trồng thủy sản tại Đồng Gián	NTS	1,00	LUA	xã Xuân Lương	2016-2020	
	Nuôi trồng thủy sản tại Tam Kha	NTS	0,08	LUA	xã Xuân Lương	2016-2020	
II	Đất nông nghiệp khác		77,93				
	Đất chăn nuôi tập trung tại xã Tiến Thắng	NKH	1,00	CLN	xã Tiến Thắng	2016	
		NKH	1,00	RSX	xã Tiến Thắng	2016	
	Trang Trại thị Cù, Tam Tiến	NKH	2,50	RSX	xã Tam Tiến	2016	
	Trang Trại bản Thái Hà	NKH	0,63	RSX	xã Đồng Vương	2017	
	Đất nông nghiệp khác tại Trại Hạ	NKH	2,00	CLN	Xã Đồng Tiến	2016	
		NKH	0,90	LUA	Xã Đồng Tiến	2016	
	Đất chăn nuôi tập trung tại xã Xuân Lương bản Nghè, bản Thượng Đồng	NKH	50,00	RSX	Xã Xuân Lương	2016-2020	
	Đất nông nghiệp khác thôn Bo Non	NKH	0,20	RSX	xã Hương Vĩ	2017	
			0,30	HNK	xã Hương Vĩ	2017	
	Đất trang trại chăn nuôi lợn bản Ven	NKH	1,96	RSX	xã Xuân Lương	2017	
	Đất trang trại chăn nuôi lợn nái Hồ Tre	NKH	1,98	RSX	xã Tam Tiến	2017	
	Đất trang trại chăn nuôi và trồng cây ăn quả bản Đồng An	NKH	5,50	RSX	xã Đồng Tiến	2017	
	Đất trang trại Bãi Lát, xã Tam Tiến	NKH	1,96	RSX	xã Tam Tiến	2016-2020	
	Trại sản xuất giống gia cầm tại Đồng Tâm	NKH	8,00	CLN	xã Đồng Tâm	2016-2020	

STT	Hạng mục	Mã loại đất quy hoạch	Diện tích quy hoạch (ha)	Sử dụng vào loại đất (hiện trạng)	Địa điểm (đến cấp xã)	Năm thực hiện	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
B	QUY HOẠCH ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	(1+..+25)	722,01				
1	Đất Quốc phòng		2,20				
	Khu hủy nổ bom, mìn	CQP	0,20	HNK	xã Bồ Hạ	2016	
	Xây dựng sở chỉ huy cơ bản, căn cứ chiến đấu huyện	CQP	2,00	RSX	xã Tam Hiệp	2016-2020	
2	Đất an ninh		3,60				
	Đồn Công an Bồ Hạ	CAN	0,10	CLN	TT. Bồ Hạ	2016-2020	
	Trụ sở công an huyện Yên Thế	CAN	1,50	LUA	TT. Cầu Gò	2016-2020	
		CAN	1,82	CLN	TT. Cầu Gò	2016-2020	
		CAN	0,18	SKC	TT. Cầu Gò	2016-2020	
3	Cụm công nghiệp		20,00				
	Cụm Công nghiệp Phồn Xương	SKN	20,00	LUA	xã Phồn Xương	2016-2020	
4	Đất thương mại, dịch vụ		21,20				
	Đất thương mại dịch vụ thị trấn Cầu Gò	TMD	0,42	HNK	TT. Cầu Gò	2016	
	Khu Thương mại thôn Phú Bản	TMD	0,45	LUA	xã Tân Sỏi	2016	
	Đất cơ sở kinh doanh VLXD (Bãi chứa cát sỏi)	TMD	8,35	HNK	xã Bồ Hạ	2016	
	Điểm DVTM thôn Chùa (Điểm TTCN-Dịch vụ Tân Hiệp)	TMD	1,00	CLN	xã Tân Hiệp	2016	
	Điểm DVTM xã Đồng Vương	TMD	0,52	LUA	xã Đồng Vương	2016-2020	
	Điểm DVTM Trảng Bán	TMD	1,12	LUA	xã Đồng Vương	2016-2020	
	Điểm DVTM Đồng Vương	TMD	0,20	LUA	xã Đồng Vương	2016-2020	
	TTTM xã Đồng Lạc thôn Vàng	TMD	0,84	LUA	xã Đồng Lạc	2016-2020	
	TTTM xã Hồng Kỳ thôn Đền Giếng	TMD	0,20	LUA	xã Hồng Kỳ	2016-2020	
	Điểm DVTM bản làng Dưới	TMD	2,60	RSX	xã Xuân Lương	2016	
	Trung tâm thương mại Xã Xuân Lương	TMD	5,50	LUA	xã Xuân Lương	2017	
5	Đất cơ sở SXKD		8,01				
	Đất sản xuất kinh doanh tại Trại Quán	SKC	0,48	LUA	xã Đồng Kỳ	2016-2020	
	Khu giết mổ tập trung tại thôn Am	SKC	0,50	CLN	xã Tân Hiệp	2016	
	Khu chế biến lâm sản tại thôn Đồng Quán	SKC	0,12	LUA	xã Bồ Hạ	2016	
		SKC	0,10	HNK	xã Bồ Hạ	2016	
	Nhà máy chế biến lâm sản tại thôn Liên Cơ	SKC	0,40	CLN	xã Đồng Tâm	2016	
	Khu giết mổ tập trung tại phố Thống Nhất	SKC	0,30	LUA	TT. Bồ Hạ	2016-2020	
	Đất sản xuất kinh doanh thôn Hoàng Long	SKC	0,50	LUA	xã Tân Hiệp	2016-2020	
	Đất sản xuất kinh doanh công nghệ sạch	SKC	2,40	LUA	xã Đồng Lạc	2016-2020	

STT	Hạng mục	Mã loại đất quy hoạch	Diện tích quy hoạch (ha)	Sử dụng vào loại đất (hiện trạng)	Địa điểm (đến cấp xã)	Năm thực hiện	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Điểm TTCN thôn Thiều	SKC	0,76	LUA	xã Đồng Lạc	2016-2020	
	Khu chế biến lâm sản bán Xuân Mới	SKC	0,60	LUA	xã Xuân Lương	2016	
	Đất sản xuất kinh doanh thôn Mái	SKC	1,00	LUA	xã Tân Sỏi	2017	
	Công ty MTV Lâm nghiệp YT, phố Đê Năm	SKC	0,50	HNK	TT. Cầu Gò	2017	
	Đất cơ sở SXKD thôn Công Châu	SKC	0,15	RSX	xã Đồng Hưu	2017	
	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu loại II thôn Trại Quán	SKC	0,20	LUA	xã Đồng Kỳ	2016-2020	
6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản		71,67				
	Đất khai thác khoáng sản thôn Trại Mới, Suối Dọc, Công Châu	SKS	40,00	RSX	xã Đồng Hưu	2016	
	Đất khai thác khoáng sản Núi Quặng, Núi Non bán Làng Dưới	SKS	31,67	RSX	xã Xuân Lương	2016-2020	
7	Đất có di tích lịch sử - văn hóa		11,59				
	Mở rộng khu DTLS Đình Thép	DDT	0,60	LUA	xã Tân Hiệp	2016	
	Mở rộng khuôn viên đền Cầu Khoai	DDT	0,30	CLN	xã Tam Hiệp	2016	
		DDT	0,30	LUA	xã Tam Hiệp	2016	
	Mở rộng đồn Hồ Chuối	DDT	2,50	RSX	xã Phồn Xương	2016	
	QH mở rộng chùa Lèo	DDT	2,00	HNK	xã Phồn Xương	2016	
		DDT	1,40	CLN	xã Phồn Xương	2016	
	Mở rộng DTLS Đèo Cà	DDT	1,00	RSX	xã Đồng Hưu	2016-2020	
	Mở rộng khu DTLS chùa Thông	DDT	0,25	LUA	xã Đồng Lạc	2016	
	Mở rộng khu DTLS đền Mẫu	DDT	0,33	LUA	xã Đồng Lạc	2016	
	Khu di tích lịch sử Hoàng Hoa Thám, phố Cà Trọng	DDT	0,30	LUA	TT. Cầu Gò	2016-2020	
		DDT	0,70	CLN	TT. Cầu Gò	2016-2020	
		DDT	0,05	ODT	TT. Cầu Gò	2016-2020	
	Đất di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh (Đền Giếng, Đình Xuân Lung) cây di sản	DDT	0,86	LUA	xã Xuân Lương	2016-2020	
	Mở rộng khuôn viên di tích lịch sử-văn hóa đình Na Lương	DDT	0,50	LUA	xã Xuân Lương	2017	
	Mở rộng khuôn viên di tích lịch sử-văn hóa đình Quỳnh Động	DDT	0,50	LUA	xã Xuân Lương	2017	
8	Đất giao thông		24,48				
	Bãi đỗ xe tại thôn Đồng Quán, xã Bồ Hạ	DGT	0,31	LUA	xã Bồ Hạ	2016-2020	
	Đường liên xã đi NVH thôn Ngò 2	DGT	0,19	LUA	xã Đồng Kỳ	2016	
	Mở rộng các tuyến đường giao thông nông thôn	DGT	0,60	CLN	xã Đồng Kỳ	2016	
	Đường liên xã đi Giếng Chánh, Ngò 1	DGT	0,26	LUA	xã Đồng Kỳ	2016	
	Mở rộng các tuyến đường giao thông nông thôn	DGT	0,25	LUA	xã Phồn Xương	2016	
	Đường giao thông 10 thôn (Cầu, Chúc, Dâm, Chiềng, Mái, Tân An, Phú Bản, Sỏi, Chè, Yên Cư)	DGT	0,80	CLN	xã Tân Sỏi	2016	
		DGT	0,50	LUA	xã Tân Sỏi	2017	
	Mở rộng các tuyến đường giao thông nông thôn	DGT	1,56	LUA	xã Tiến Thắng	2016-2020	

STT	Hạng mục	Mã loại đất quy hoạch	Diện tích quy hoạch (ha)	Sử dụng vào loại đất (hiện trạng)	Địa điểm (đến cấp xã)	Năm thực hiện	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Cải tạo nâng cấp đường đi từ Tiến Thịnh đến UBND xã Tiến Thắng	DGT	0,10	LUA	xã Tiến Thắng	2016	
		DGT	0,30	CLN	xã Tiến Thắng	2016	
	Đường giao thông nông thôn	DGT	3,61	LUA	xã Đồng Vương	2016-2020	
		DGT	4,40	HNK	xã Đồng Vương	2016-2020	
		DGT	3,85	ONT	xã Đồng Vương	2016-2020	
	Đường giao thông nông thôn	DGT	2,41	CLN	xã Đồng Lạc	2016	
		DGT	3,06	RSX	xã Đồng Lạc	2016	
	Đường giao thôn lên khu di tích thôn Đền Trắng	DGT	0,50	RSX	xã Đông Sơn	2016-2020	
	Mở rộng đường giao thông Đồng Quán-Tân An	DGT	0,12	LUA	xã Bó Hạ	2016	
		DGT	0,23	HNK	xã Bó Hạ	2016	
	Mở rộng các tuyến đường giao thông nông thôn	DGT	0,10	LUA	xã Tân Hiệp	2016	
		DGT	0,40	CLN	xã Xuân Lương	2016	
	Mở rộng các tuyến đường giao thông nông thôn	DGT	0,10	CLN	xã Xuân Lương	2017	
		DGT	0,10	LUA	xã Xuân Lương	2017	
	Đường nội đồng bản Làng Trên	DGT	0,20	LUA	xã Xuân Lương	2017	
	Mở rộng đường giao thông nông thôn	DGT	0,30	LUA	xã Đồng Kỳ	2017	
	Đường giao thông thôn Trại Cà	DGT	0,13	LUA	xã Đồng Lạc	2017	
	Đường giao thông thôn Chùa	DGT	0,10	HNK	xã Hương Vĩ	2017	
9	Đất thủy lợi		3,06				
	Mở rộng, làm mới kênh mương nội đồng	DTL	0,86	LUA	xã Đồng Kỳ	2016	
	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung	DTL	1,00	LUA	xã Tam Tiến, xã Đồng Vương và xã Tam Hiệp	2017	
	Đất thủy Lợi 10 thôn (Câu, Chúc, Dám, Chiềng, Mái, Tân An, Phú Bản, Sỏi, Chè, Yên Cư)	DTL	0,20	LUA	xã Tân Sỏi	2017	
	Hệ thống tưới nước vùng chè nguyên liệu bản Ven	DTL	1,00	LUA	xã Xuân Lương	2017	
10	Đất công trình năng lượng		183,78				
	Mở rộng, xây dựng TBA tại Giếng Chánh	DNL	0,01	LUA	xã Đồng Kỳ	2016	
	TBA Cầu Tư	DNL	0,02	LUA	xã Hồng Kỳ	2016	
	Công trình Đường dây và TBA 110KV Tân Yên, các xuất tuyến 35KV, 22KV	DNL	0,42	LUA	huyện Yên Thế	2016-2020	
		DNL	0,08	CLN	huyện Yên Thế	2016-2020	
	Trạm BTS tại bản Xoan	DNL	0,02	CLN	xã Xuân Lương	2016	
	Trạm Biến Áp Nam Cầu, Nghè	DNL	0,01	CLN	xã Xuân Lương	2016	

STT	Hạng mục	Mã loại đất quy hoạch	Diện tích quy hoạch (ha)	Sử dụng vào loại đất (hiện trạng)	Địa điểm (đến cấp xã)	Năm thực hiện	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Trạm biến áp tại 7 xã	DNL	0,03	LUA	Tiên Thắng, Phồn Xương, Đông Sơn, An Thượng, Hồng Kỳ, Xuân Lương, Tân Hiệp,	2016	
	Cải tạo đường điện (các lộ xuất tuyến 971,972,974)	DNL	0,19	LUA	Đông Tâm, Đông Lạc, Tân Sỏi, Tam Hiệp, Phồn Xương, Hồng Kỳ, Bồ Hạ, Hương Vỹ, Đông Hưu, Đông Kỳ, Đông Sơn, TT Cầu Gò, TT Bồ Hạ	2016	
	Nhà máy phát điện năng lượng mặt trời	DLN	7,00	LUA	xã Đông Tiến	2017	
		DLN	76,00	RSX	xã Đông Tiến	2017	
	Nhà máy phát điện năng lượng mặt trời	DLN	100,00	RSX	Xã Tam Tiến, xã Tam Hiệp	2016-2020	
11	Đất công trình BCVT		0,05				
	Trạm phát sóng vinaphone	DLN	0,05	LUA	xã Xuân Lương	2017	
12	Đất y tế		1,75				
	Mở rộng bệnh viện đa khoa Yên Thế	DYT	0,30	LUA	TT. Cầu Gò	2016	
	Mở rộng trạm y tế bản Đông Tiến	DYT	1,00	CLN	xã Tam Tiến	2016	
	Trạm y tế xã Đông Lạc	DYT	0,30	LUA	xã Đông Lạc	2016	
	Trạm y tế 2 khu B	DYT	0,15	LUA	xã Xuân Lương	2016	
13	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo		4,53				
	Mở rộng trường Mầm non Tân Sỏi	DGD	0,03	LUA	xã Tân Sỏi	2016-2020	
	Mở rộng trường THCS Hoàng Hoa Thám, phố Cả Trọng	DGD	0,70	LUA	TT. Cầu Gò	2017	
	Trường Mầm non bản Quỳnh Lâu	DGD	0,50	HNK	xã Tam Tiến	2016	
	Trường THCS Đông Sơn	DGD	0,68	LUA	xã Đông Sơn	2016-2020	
		DGD	0,50	HNK	xã Đông Sơn	2016-2020	
	Mở rộng trường Mầm non thôn Đồi Hồng	DGD	0,10	HNK	xã Đông Sơn	2016-2020	
	Trường tiểu học Đông Vương	DGD	0,09	HNK	xã Đông Vương	2016	
	Trường nghề Đông Tâm	DGD	0,12	HNK	xã Đông Tâm	2016	
	Trường Mầm non xã Phồn Xương	DGD	0,63	LUA	xã Phồn Xương	2016-2020	
	Mở rộng trường Mầm non bản Nà Táng	DGD	0,15	HNK	xã Canh Nậu	2016	

STT	Hạng mục	Mã loại đất quy hoạch	Diện tích quy hoạch (ha)	Sử dụng vào loại đất (hiện trạng)	Địa điểm (đến cấp xã)	Năm thực hiện	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Mở rộng trường Mầm non bản Khuôn Đống	DGD	0,35	LUA	xã Canh Nậu	2016-2020	
	Mở rộng trường Mầm non Đền Giếng	DGD	0,10	LUA	xã Hồng Kỳ	2016	
	Mở rộng trường THCS Xuân Lương	DGD	0,50	LUA	xã Xuân Lương	2016-2020	
	Mở rộng trường Mầm non trung tâm xã Xuân Lương	DGD	0,08	LUA	xã Xuân Lương	2016	
14	Đất văn hóa		6,65				
	Nhà văn hoá xã Đông Kỳ	DVH	0,30	LUA	xã Đông Kỳ	2016-2020	
	Nhà văn hoá xã Đông Hưu	DVH	0,50	LUA	xã Đông Hưu	2016	
	Nhà văn hoá xã Đông Vương	DVH	0,23	LUA	xã Đông Vương	2016	
	Khuôn viên cây xanh TT xã Đông Vương	DVH	0,57	LUA	xã Đông Vương	2016	
	Bưu điện văn hoá xã Đông Lạc	DVH	0,05	LUA	xã Đông Lạc	2016	
	Nhà văn hoá xã Hương VI	DVH	5,00	LUA	xã Hương VI	2016-2020	
15	Đất thể dục - thể thao		24,68				
	Mở rộng sân thể thao TT. Bồ Hạ	DTT	0,90	LUA	TT. Bồ Hạ	2016-2020	
	Sân thể thao trung tâm xã Đông Kỳ	DTT	1,00	LUA	xã Đông Kỳ	2016-2020	
	Mở rộng sân thể thao tại Cống huyện, Ngõ 2, Trại Quân, Trại Chuối	DTT	0,91	LUA	xã Đông Kỳ	2016-2020	
	Sân thể thao thôn Hối	DTT	0,40	LUA	xã Phồn Xương	2016-2020	
	Sân thể thao thôn Chùa (trung tâm)	DTT	1,00	HNK	xã Phồn Xương	2017	
	Mở rộng sân thể thao Đình Tiên	DTT	0,06	HNK	xã Bồ Hạ	2016	
	Mở rộng sân thể thao Đông Quán, Liên Tân, Đông Lều	DTT	0,20	LUA	xã Bồ Hạ	2016-2020	
		DTT	1,96	HNK	xã Bồ Hạ	2016	
	Sân thể thao Tân Kỳ, Tân Hồng, Tân Tiến	DTT	1,05	CLN	xã Đông Tâm	2016-2020	
	Sân vận động xã Tân Hiệp	DTT	1,00	LUA	xã Tân Hiệp	2016-2020	
	Sân thể thao thôn Luộc Giới, Đông Bông, Đông Vương	DTT	0,90	LUA	xã Tân Hiệp	2016	
	Sân thể thao bản Đông Tân, Thái Hà, Tràng Bản, La Lanh, Đông Đàng	DTT	1,86	LUA	xã Đông Vương	2016-2020	
	Mở rộng sân thể thao bản Bình Minh, Trại Tre	DTT	1,00	LUA	xã Đông Vương	2016-2020	
	Sân thể thao Đông Vương	DTT	0,80	LUA	xã Đông Vương	2016-2020	
		DTT	0,10	DTS	xã Đông Vương	2016-2020	
	Sân thể thao thôn Tiểu, trung tâm xã	DTT	0,40	LUA	xã Đông Lạc	2016	
	Sân thể thao tại thôn Làng	DTT	0,70	HNK	xã Hương VI	2016	
	Sân thể thao Đông An, Góc Bông, Khe Ngọn, Cây Thị, Trại Mới, Trại Nấm	DTT	1,31	LUA	xã Đông Tiến	2016-2020	
	Sân thể thao Bản Thia, Còn Trang, Dốc Đơ, Lò Than, Ao Tuấn, Cỏ Đầy, bản Đình, bản Chay	DTT	3,23	LUA	xã Canh Nậu	2016	

STT	Hạng mục	Mã loại đất quy hoạch	Diện tích quy hoạch (ha)	Sử dụng vào loại đất (hiện trạng)	Địa điểm (đến cấp xã)	Năm thực hiện	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Sân thể thao xã Canh Nậu	DTT	1,30	LUA	xã Canh Nậu	2016-2020	
	Sân thể thao bản Trại Sông	DTT	0,30	CLN	xã Canh Nậu	2016-2020	
		DTT	0,30	RSX	xã Canh Nậu	2016-2020	
	Sân thể thao khu TT xã Hồng Kỳ	DTT	1,00	LUA	xã Hồng Kỳ	2016-2020	
	Sân thể thao trường tiểu học Hồng Kỳ	DTT	0,25	LUA	xã Hồng Kỳ	2016	
	Sân thể thao trường THCS Hồng Kỳ	DTT	0,10	LUA	xã Hồng Kỳ	2016	
	Sân thể thao Xuân Môi, Nam Cầu, bản Mỏ, bản Nghè, bản Xoan, Khu B	DTT	1,85	LUA	xã Xuân Lương	2016-2020	
	Sân thể thao bản Tam Kha, Đông Gián	DTT	0,40	HNK	xã Xuân Lương	2016-2020	
	Sân thể thao thôn Chẽ	DTT	0,20	LUA	xã Phồn Xương	2017	
	Mở rộng sân thể thao thôn Mạc	DTT	0,20	HNK	xã Phồn Xương	2017	
16	Đất bãi thải xử lý chất thải		15,54				
	Điểm tập kết rác thải các thôn xã Đông Vương	DRA	2,00	RSX	xã Đông Vương	2016-2020	
		DRA	0,12	LUA	xã Đông Vương	2016-2020	
	Điểm tập kết rác tại thôn Vàng	DRA	0,67	RSX	xã Đông Lạc	2016	
	Điểm tập kết rác thôn Trại Mới	DRA	2,00	RSX	xã Đông Hưu	2016	
	Điểm tập kết rác thôn Luộc Giới	DRA	0,50	RSX	xã Tân Hiệp	2016-2020	
	Điểm tập kết rác xã Tiên Thắng	DRA	1,00	RSX	xã Tiên Thắng	2016	
	Điểm tập kết rác Ao Tam thôn Đồi Hồng	DRA	1,00	RSX	xã Đông Sơn	2016-2020	
	Điểm tập kết rác tại Trại Đàng	DRA	0,50	HNK	xã Đông Kỳ	2016-2020	
	Điểm tập kết rác An Châu, Tân Văn, Cầu Thày	DRA	0,05	HNK	xã An Thượng	2016	
	Điểm tập kết rác thôn An Thành	DRA	0,02	RSX	xã An Thượng	2016	
	Điểm tập kết rác thôn Đông Nhân, thôn Hồ, thôn Chẽ, thôn Phan, thôn Chùa, thôn Mạc 2	DRA	0,06	LUA	xã Phồn Xương	2016-2020	
	Điểm tập kết rác thôn Thành Chung, thôn Mạc 1	DRA	0,02	NTD	xã Phồn Xương	2016-2020	
	Điểm tập kết rác toàn xã	DRA	1,50	RSX	xã Phồn Xương	2016	
	Điểm tập kết rác xã Bồ Hạ	DRA	0,10	LUA	xã Bồ Hạ	2016	
		DRA	0,30	HNK	xã Bồ Hạ	2016	
	Điểm tập kết rác tại 7 thôn xã Đông Tâm	DRA	0,30	CLN	xã Đông Tâm	2016-2020	
	Điểm tập kết rác Góc Bồng	DRA	2,00	RSX	xã Đông Tiến	2016-2020	
	Điểm tập kết rác bản Cồn Trang	DRA	0,70	LUA	xã Canh Nậu	2016-2020	
	Điểm tập kết rác Cầu Tư	DRA	0,30	CLN	xã Hồng Kỳ	2016-2020	
	Điểm tập kết rác Đền Hồng	DRA	1,40	HNK	xã Hồng Kỳ	2016-2020	
	Điểm tập kết rác tại bản Nà Lu	DRA	1,00	RSX	xã Xuân Lương	2016-2020	
17	Đất ở nông thôn		147,67				

STT	Hạng mục	Mã loại đất quy hoạch	Diện tích quy hoạch (ha)	Sử dụng vào loại đất (hiện trạng)	Địa điểm (đến cấp xã)	Năm thực hiện	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Đất ở bán Diển	ONT	0,30	CLN	xã Tam Tiến	2016	
		ONT	0,40	LUA	xã Tam Tiến	2016-2020	
	Đất ở bán Bãi Lát Tam	ONT	0,30	LUA	xã Tam Tiến	2016-2020	
		ONT	0,30	CLN	xã Tam Tiến	2016-2020	
	Đất ở bán Mỏ Trạng	ONT	0,20	LUA	xã Tam Tiến	2016	
	Đất ở bán Quỳnh Lâu	ONT	0,50	LUA	xã Tam Tiến	2016	
	Đất ở bán Rừng Rải	ONT	0,40	LUA	xã Tam Tiến	2016-2020	
		ONT	0,40	CLN	xã Tam Tiến	2016-2020	
	Đất ở tại bán Chàm	ODT	0,20	LUA	xã Tam Tiến	2016	
		ODT	3,50	HNK	xã Tam Tiến	2016	
		ODT	6,50	CLN	xã Tam Tiến	2016	
	Đất ở Yên Thượng	ONT	0,30	LUA	xã Tam Hiệp	2016-2020	
	Đất ở Trại Cọ	ONT	0,50	LUA	xã Tam Hiệp	2016	
	Đất ở Yên Thế	ONT	0,50	LUA	xã Tam Hiệp	2017	
	Đất ở bán Hom	ONT	0,30	LUA	xã Tam Hiệp	2016-2020	
	Đất ở bán Thép	ONT	0,10	LUA	xã Tam Hiệp	2016-2020	
	Đất ở bán Đền Cồ	ONT	0,50	LUA	xã Tam Hiệp	2016-2020	
	Đất ở thôn Bo Chợ	ONT	0,30	LUA	xã Đông Sơn	2016	
	Đất ở thôn Đồi Lành	ONT	0,26	CLN	xã Đông Sơn	2016	
		ONT	0,30	LUA	xã Đông Sơn	2016-2020	
		ONT	0,40	HNK	xã Đông Sơn	2016-2020	
	Đất ở thôn Đồi Hồng	ONT	0,70	LUA	xã Đông Sơn	2016-2020	
	Đất ở thôn Chùa	ONT	0,40	LUA	xã Tân Hiệp	2016-2020	
	Đất ở thôn Hoàng Long	ONT	0,40	LUA	xã Tân Hiệp	2016-2020	
	Đất ở thôn Luộc Giới	ONT	0,30	LUA	xã Tân Hiệp	2016	
	Đất ở thôn Đồng Tâm	ONT	0,40	LUA	xã Tân Hiệp	2016-2020	
	Đất ở thôn Đồng Gia	ONT	0,40	LUA	xã Tân Hiệp	2016-2020	
	Đất ở thôn Am	ONT	0,30	LUA	xã Tân Hiệp	2016	
	Đất ở thôn Trại Mới	ONT	0,40	LUA	xã Tân Hiệp	2016-2020	
	Đất ở mới tại Đồng Lân, Ngõ 2, Trại Chuối 1,2	ONT	0,67	LUA	xã Đồng Kỳ	2016-2020	
	Đất ở mới tại Trại Quán	ONT	1,81	CLN	xã Đồng Kỳ	2016	
		ONT	0,20	LUA	xã Đồng Kỳ	2016-2020	
	Đất ở mới tại Cống Huyện	ONT	0,20	LUA	xã Đồng Kỳ	2016, 2017	
	Đất ở mới tại Đồng Tâm	ONT	0,02	NTS	xã Đồng Kỳ	2016	

STT	Hạng mục	Mã loại đất quy hoạch	Diện tích quy hoạch (ha)	Sử dụng vào loại đất (hiện trạng)	Địa điểm (đến cấp xã)	Năm thực hiện	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Đất ở mới tại Trại Đàng	ONT	0,02	RSX	xã Đồng Kỳ	2016	
	Đất đấu giá QSDĐ tại thôn Tân An	ONT	0,80	LUA	xã An Thượng	2016-2020	
	Đất ở tại Thôn Tân Vân, An Châu, Tân An, Hồng Lĩnh, Lan Thượng	ONT	1,75	LUA	xã An Thượng	2016-2020	
	Đất ở thôn Cầu Thầy	ONT	0,02	CLN	xã An Thượng	2016	
		ONT	0,12	RSX	xã An Thượng	2016-2020	
	Đất ở thôn An Thành	ONT	0,10	HNK	xã An Thượng	2016-2020	
		ONT	0,20	LUA	xã An Thượng	2016-2020	
	Đất ở thôn Đông Nhân, thôn Hoi, thôn Che, thôn Phan, thôn Chùa, thôn Thành Công, thôn Mạc 2	ONT	3,00	LUA	xã Phồn Xương	2016-2020	
		ONT	1,13	CLN	xã Phồn Xương	2016-2020	
	Đất ở thôn Mạc 1	ONT	0,75	HNK	xã Phồn Xương	2016-2020	
	Khu dân cư mới tập trung Phồn Xương	ONT	20,00	LUA	xã Phồn Xương	2017	
		ONT	3,10	HNK	xã Phồn Xương	2017	
		ONT	20,60	CLN	xã Phồn Xương	2017	
		ONT	1,50	NTS	xã Phồn Xương	2017	
		ONT	3,20	DHT	xã Phồn Xương	2017	
		ONT	0,70	NTD	xã Phồn Xương	2017	
		ONT	7,80	ONT	xã Phồn Xương	2017	
	Đất ở cửa nhà trẻ thôn Chiềng, thôn Tân An, thôn Mãi, thôn Phú Bán, thôn Cầu	ONT	5,50	LUA	xã Tân Sỏi	2016	
	Đất ở thôn Tân Xuân, thôn Sỏi, cửa bà Hồng, Bồng	ONT	0,77	HNK	xã Bồ Hạ	2016	
		ONT	0,40	LUA	xã Bồ Hạ	2016	
	Đất ở các thôn xã Bồ Hạ (Tân An, Xuân Lan 1, Xuân Lan 2, Tân Xuân, Liên Tân, Dinh Tiến, Vòng Huyện, Đồng Lều, Đồng Quán, Sỏi)	ONT	1,85	LUA	xã Bồ Hạ	2016-2020	
		ONT	0,70	CLN	xã Bồ Hạ	2016-2020	
		ONT	4,61	HNK	xã Bồ Hạ	2016-2020	
	Thanh lý lại sản nhà mẫu giáo cũ gắn liền với đất thôn Đồng Quán (500m ²)	ONT	0,05	DHT	xã Bồ Hạ	2017	
	Đất ở thôn Đồng Quán	ONT	2,10	DCH	xã Bồ Hạ	2017	
	Đất ở thôn Tân Tiến, Đề Thám, Tân Hồng, Hồng Lạc, Tân Kỳ, Tân Sỏi, Liên Cơ	ONT	3,26	CLN	xã Đồng Tâm	2016-2020	
		ONT	0,70	LUA	xã Đồng Tâm	2016-2020	
	Đất ở Đèo Cà	ONT	0,50	LUA	xã Đồng Hưu	2016	
	Đất ở Càng Châu	ONT	0,80	LUA	xã Đồng Hưu	2016-2020	
	Đất ở Trại Tre	ONT	1,10	LUA	xã Đồng Hưu	2016-2020	

STT	Hạng mục	Mã loại đất quy hoạch	Diện tích quy hoạch (ha)	Sử dụng vào loại đất (hiện trạng)	Địa điểm (đến cấp xã)	Năm thực hiện	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Đất ở Trại Vành	ONT	0,50	LUA	xã Đồng Hưu	2016-2020	
	Đất ở Thái Hà	ONT	0,50	LUA	xã Đồng Hưu	2016-2020	
	Đất ở các thôn xã Đồng Hưu (Bảo Ranh, Mỏ Hương, Thái Hà, Trại Vành, Ao Gáo, Trại Tre, Đèo Sặt, Đèo Cà, Cống Châu, Suối Dọc, Trại Mới, Gia Bình)	ONT	0,10	CLN	xã Đồng Hưu	2017	
		ONT	0,20	RSX	xã Đồng Hưu	2017	
	Đất ở bản Đồng Tân	ONT	0,99	LUA	xã Đồng Vương	2016-2020	
	Đất ở bản Đồng Vương	ONT	0,73	LUA	xã Đồng Vương	2016-2020	
	Đất ở bản Thái Hà	ONT	0,78	LUA	xã Đồng Vương	2016-2020	
	Đất ở bản La Xa	ONT	0,95	LUA	xã Đồng Vương	2016-2020	
	Đất ở bản Trảng Bản	ONT	1,04	LUA	xã Đồng Vương	2016-2020	
	Đất ở bản Bình Minh	ONT	1,18	LUA	xã Đồng Vương	2016-2020	
	Đất ở bản Trại Mía	ONT	0,80	LUA	xã Đồng Vương	2016-2020	
	Đất ở bản Trại Tre	ONT	0,57	LUA	xã Đồng Vương	2016-2020	
	Đất ở bản Đồng Đăng	ONT	0,93	LUA	xã Đồng Vương	2016-2020	
	Đất ở bản La Lanh	ONT	0,60	LUA	xã Đồng Vương	2016-2020	
	Đất ở khu TT xã Đồng Vương	ONT	0,63	LUA	xã Đồng Vương	2016-2020	
	Đất ở Chi Chèo, Cây Gao	ONT	0,40	LUA	xã Đồng Lạc	2017	
	Đất ở thôn Trại Cà	ONT	0,64	LUA	xã Đồng Lạc	2016-2020	
	Đất ở thôn Vàng	ONT	0,50	LUA	xã Đồng Lạc	2016-2020	
	Đất ở thôn Thiều	ONT	0,50	HNK	xã Đồng Lạc	2017	
	Đất ở thôn Thiều	ONT	0,33	LUA	xã Đồng Lạc	2016-2020	
	Đất ở thôn Bơ Non	ONT	0,40	LUA	xã Hương Vĩ	2016	
	Đất ở thôn Chùa	ONT	0,30	LUA	xã Hương Vĩ	2016-2020	
	Đất ở thôn Làng	ONT	0,25	LUA	xã Hương Vĩ	2016-2020	
	Đất ở thôn Cầu Tiến	ONT	0,30	LUA	xã Hương Vĩ	2016-2020	
	Đất ở thôn Yên Bái	ONT	0,70	LUA	xã Hương Vĩ	2016-2020	
	Đất ở Đồng An	ONT	0,50	LUA	xã Đồng Tiến	2016	
	Đất ở Góc Đa 2	ONT	0,65	LUA	xã Đồng Tiến	2016-2020	
		ONT	0,60	LUA	xã Đồng Tiến	2016-2020	
	Đất ở Cây Vôi	ONT	0,60	LUA	xã Đồng Tiến	2016-2020	
		ONT	0,45	LUA	xã Đồng Tiến	2016-2020	
		ONT	0,65	LUA	xã Đồng Tiến	2016-2020	
	Đất ở Khe Ngọn	ONT	0,40	RSX	xã Đồng Tiến	2016	
		ONT	0,60	LUA	xã Đồng Tiến	2016-2020	
	Đất ở Cây Thị	ONT	0,55	LUA	xã Đồng Tiến	2016	

STT	Hạng mục	Mã loại đất quy hoạch	Diện tích quy hoạch (ha)	Sử dụng vào loại đất (hiện trạng)	Địa điểm (đến cấp xã)	Năm thực hiện	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Đất ở Trại Mới	ONT	0,30	LUA	xã Đồng Tiến	2016-2020	
		ONT	0,18	HNK	xã Đồng Tiến	2016	
		ONT	0,25	HNK	xã Đồng Tiến	2016	
		ONT	0,36	LUA	xã Đồng Tiến	2016-2020	
	Đất ở Trại Hạ	ONT	0,50	RSX	xã Đồng Tiến	2016	
		ONT	0,32	RSX	xã Đồng Tiến	2016	
	Đất ở Khu Cò Bay	ONT	0,20	HNK	xã Đồng Tiến	2016	
	Đất ở Trại Năm	ONT	0,28	LUA	xã Đồng Tiến	2016-2020	
		ONT	0,15	LUA	xã Đồng Tiến	2016-2020	
		ONT	0,20	LUA	xã Đồng Tiến	2016-2020	
	Đất ở khu cây xăng	ONT	0,20	LUA	xã Canh Nậu	2016	
	Đất ở Bàn Thia	ONT	0,10	LUA	xã Canh Nậu	2016	
	Đất ở bản Đông Cà	ONT	0,10	LUA	xã Canh Nậu	2016-2020	
	Đất ở bản Ao Thuận	ONT	0,20	LUA	xã Canh Nậu	2016-2020	
	Đất ở bản Dốc Đơ	ONT	0,75	LUA	xã Canh Nậu	2016-2020	
	Đất ở bản Nà Táng	ONT	0,10	LUA	xã Canh Nậu	2016-2020	
	Đất ở Đền Giếng	ONT	0,75	LUA	xã Hồng Kỳ	2016-2020	
	Đất ở Trại Nhi	ONT	0,56	LUA	xã Hồng Kỳ	2016-2020	
	Đất ở Trại Nhất	ONT	0,10	LUA	xã Hồng Kỳ	2016-2020	
	Đất ở bản Ven	ONT	0,15	LUA	xã Xuân Lương	2016	
	Đất ở bản Thượng Đồng	ONT	0,15	LUA	xã Xuân Lương	2016	
	Đất ở Đồng Gián	ONT	1,00	LUA	xã Xuân Lương	2016-2020	
	Đất ở Cầu Nhân	ONT	0,11	LUA	xã Xuân Lương	2016-2020	
	Đất ở bản Xoan	ONT	0,15	LUA	xã Xuân Lương	2016-2020	
	Đất ở Làng Dưới	ONT	0,32	LUA	xã Xuân Lương	2016-2020	
	Đất ở Xuân Mới	ONT	1,00	LUA	xã Xuân Lương	2016-2020	
	Đất ở Tam Kha	ONT	0,20	LUA	xã Xuân Lương	2016-2020	
	Đất ở bản Na Lu	ONT	0,50	LUA	xã Xuân Lương	2017	
	Chuyển mục đích từ đất nông nghiệp năm sang đất ở	ONT	0,64	RSX	xã Tiến Thắng	2016	
	Chuyển mục đích từ đất nông nghiệp năm sang đất ở	ONT	0,10	CLN	xã Đông Tâm	2016	
	Chuyển mục đích từ đất nông nghiệp năm sang đất ở	ONT	0,50	CLN	xã Tân Sỏi	2016	
	Chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất ở của 11 thôn xã Tân Hiệp	ONT	0,13	CLN	xã Tân Hiệp	2016	
	Chuyển mục đích từ đất nông nghiệp năm sang đất ở	ONT	0,13	CLN	xã Bó Hạ	2016	
	Chuyển mục đích từ đất nông nghiệp năm sang đất ở	ONT	0,25	CLN	xã Phồn Xương	2016	

STT	Hạng mục	Mã loại đất quy hoạch	Diện tích quy hoạch (ha)	Sử dụng vào loại đất (hiện trạng)	Địa điểm (đến cấp xã)	Năm thực hiện	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Chuyển mục đích từ đất nông nghiệp năm sang đất ở	ONT	0,10	CLN	xã Đồng Lạc	2016	
	Chuyển mục đích từ đất nông nghiệp năm sang đất ở	ONT	0,30	CLN	xã Xuân Lương	2016	
	Chuyển mục đích từ đất nông nghiệp năm sang đất ở	ONT	0,03	CLN	xã Đông Sơn	2017	
	Chuyển mục đích từ đất nông nghiệp năm sang đất ở	ONT	0,15	HNK	xã Tam Tiến	2017	
	Chuyển mục đích từ đất nông nghiệp năm sang đất ở	ONT	1,00	HNK	xã Canh Nậu	2017	
	Chuyển mục đích từ đất nông nghiệp năm sang đất ở	ONT	1,00	HNK	xã Đồng Tâm	2017	
	Chuyển mục đích lớp học lẻ sang đất ở thôn Cầu Thầy	ONT	0,15	DGD	xã An Thượng	2016-2020	
	Chuyển mục đích nhà văn hóa cũ sang đất ở thôn Cầu Thầy	ONT	0,30	DSH	xã An Thượng	2016-2020	
	Chuyển mục đích đất đồi bóng sang đất ở thôn Lan Thượng	ONT	0,15	RSX	xã An Thượng	2016-2020	
	Chuyển mục đích từ đất phi nông nghiệp sang đất ở	ONT	0,02	SKC	xã Hồng Kỳ	2016	
	Chuyển mục đích từ đất phi nông nghiệp sang đất ở	ONT	0,10	DSH	xã Bồ Hạ	2016-2020	
	Chuyển mục đích từ đất phi nông nghiệp sang đất ở	ONT	0,03	SKC	xã Bồ Hạ	2016-2020	
	Chuyển mục đích sử dụng đất lúa xen kẹt, canh tác không hiệu quả sang đất ở	ONT	3,80	LUA	19 xã trong huyện	2016-2020	
18	Đất ở đô thị		38,97				
	Đất ở đô thị tại phố Cả Dinh, Cà Trọng, Bà Ba	ODT	5,12	LUA	TT. Cầu Gò	2016-2020	
		ODT	0,90	HNK	TT. Cầu Gò	2016-2020	
		ODT	0,05	NTS	TT. Cầu Gò	2016-2020	
		ODT	1,42	CLN	TT. Cầu Gò	2016-2020	
	Đấu giá QSDĐ phố Hoàng Hoa Thám (TCKH, TNMT, Trụ sở UBND TT cũ,...)	ODT	0,35	TSC	TT. Cầu Gò	2017	
	Khu dân cư mới TT Cầu Gò	ODT	4,50	LUA	TT. Cầu Gò	2016-2020	
		ODT	0,50	TSC	TT. Cầu Gò	2016-2020	
		ODT	0,02	NTS	TT. Cầu Gò	2016-2020	
		ODT	0,50	DGT	TT. Cầu Gò	2016-2020	
		ODT	1,85	CLN	TT. Cầu Gò	2016-2020	
		ODT	1,40	ODT	TT. Cầu Gò	2016-2020	
	Thanh lý lại sản nhà mẫu giáo cũ gắn liền với đất phố Bà Ba	ODT	0,03	DHT	TT. Cầu Gò	2017	
	Chuyển mục đích sang đất ở đô thị	ODT	0,10	LUA	TT. Cầu Gò	2016	
		ODT	0,13	CLN	TT. Cầu Gò	2016	
	Khu dân cư mới TT Bồ Hạ	ODT	2,50	CLN	TT. Bồ Hạ	2016-2020	
		ODT	18,00	LUA	TT. Bồ Hạ	2016-2020	
		ODT	1,00	DHT	TT. Bồ Hạ	2016-2020	

STT	Hạng mục	Mã loại đất quy hoạch	Diện tích quy hoạch (ha)	Sử dụng vào loại đất (hiện trạng)	Địa điểm (đến cấp xã)	Năm thực hiện	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
		ODT	0,20	ODT	TT. Bồ Hạ	2016-2020	
	Chuyển mục đích sang đất ở đô thị	ODT	0,10	CLN	TT. Bồ Hạ	2016	
	Chuyển mục đích sử dụng đất lúa xen kẹt, canh tác không hiệu quả sang đất ở	ODT	0,30	LUA	TT. Cầu Gò, TT. Bồ Hạ	2016-2020	
19	Đất trụ sở cơ quan		2,37				
	Xây dựng trụ sở Chi cục Thuế	TSC	0,50	LUA	TT. Cầu Gò	2017	
	Mở rộng UBND xã Đồng Lạc	TSC	0,11	LUA	xã Đồng Lạc	2016	
		TSC	0,44	HNK	xã Đồng Lạc	2016	
	Mở rộng trụ sở UBND xã Đồng Kỳ	TSC	0,22	LUA	xã Đồng Kỳ	2016-2020	
	Bảo hiểm xã hội huyện Yên Thế	TSC	0,50	LUA	TT. Cầu Gò	2016-2020	
	Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế	TSC	0,30	SKC	TT. Cầu Gò	2016-2020	
	Đội thi hành án huyện Yên Thế	TSC	0,30	LUA	xã Tam Hiệp	2016-2020	
20	Đất cơ sở tôn giáo		1,37				
	Mở rộng chùa đền Giếng	TON	0,47	RSX	xã Hồng Kỳ	2016-2020	
	Mở rộng chùa Kỳ Đồng tại Trại Nhất	TON	0,40	RSX	xã Hồng Kỳ	2016-2020	
	Mở rộng chùa Mỏ	TON	0,50	RSX	xã Xuân Lương	2016-2020	
21	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng		38,24				
	Mở rộng nghĩa trang nhân dân tại phố Cả Dinh	NTD	0,70	LUA	TT. Cầu Gò	2016-2020	
		NTD	0,30	HNK	TT. Cầu Gò	2016-2020	
	Mở rộng nghĩa trang nhân dân Đồng Ngoi	NTD	0,30	LUA	TT. Cầu Gò	2016	
	Mở rộng nghĩa trang nhân dân TT. Bồ Hạ	NTD	0,40	LUA	TT. Bồ Hạ	2016-2020	
	Nghĩa trang nhân dân bản Mỏ Trạng	NTD	0,20	HNK	xã Tam Tiến	2016	
	Nghĩa trang nhân dân bản Bãi Lát Tam, Hồ Vàng, Hồ Tre Tam, Rừng Dài, Trại Lốt Tam	NTD	4,80	RSX	xã Tam Tiến	2016	
	Mở rộng nghĩa trang nhân dân thôn Đồng Bông, Luộc Giới	NTD	1,12	RSX	xã Tân Hiệp	2016	
	Mở rộng nghĩa trang nhân dân thôn Chùa-Tân Gia	NTD	0,20	LUA	xã Tân Hiệp	2016	
			0,30	CLN	xã Tân Hiệp	2016	
	Nghĩa trang nhân dân Bãi chợ	NTD	0,20	LUA	xã Tân Hiệp	2016	
		NTD	0,25	RSX	xã Tân Hiệp	2016	
	Nghĩa trang nhân dân Đồng Ngoi	NTD	0,50	CLN	xã Tam Hiệp	2016	
	Mở rộng nghĩa trang nhân dân thôn Đồi Lánh	NTD	0,30	LUA	xã Đông Sơn	2016-2020	
		NTD	1,00	RSX	xã Đông Sơn	2016	

STT	Hạng mục	Mã loại đất quy hoạch	Diện tích quy hoạch (ha)	Sử dụng vào loại đất (hiện trạng)	Địa điểm (đến cấp xã)	Năm thực hiện	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Mở rộng nghĩa trang nhân dân tại Ngõ 1, Trại Đàng, Giếng Chanh, Trại Chuối 1	NTD	0,40	LUA	xã Đồng Kỳ	2016	
	Mở rộng nghĩa trang nhân dân thôn Mạc 1	NTD	1,90	LUA	xã Phồn Xương	2016-2020	
	Mở rộng nghĩa trang nhân dân thôn Thành Chung	NTD	0,20	RSX	xã Phồn Xương	2016-2020	
	Mở rộng nghĩa trang nhân dân khu đồng Bơ	NTD	0,50	RSX	xã Phồn Xương	2016-2020	
		NTD	0,10	HNK	xã Phồn Xương	2016-2020	
	Mở rộng nghĩa trang nhân dân Đồng Lều, Vòng Huyện, Dinh Tiến, Th	NTD	0,70	HNK	xã Bồ Hạ	2016	
	Mở rộng nghĩa trang nhân dân Tân Xuân, Xuân Lan 2, Liên Tân	NTD	6,82	HNK	xã Bồ Hạ	2016	
	Nghĩa trang nhân dân Tân Kỳ, Tân Hồng	NTD	0,50	CLN	xã Đồng Tâm	2016	
	Nghĩa trang nhân dân Suối Dọc, Đèo Cà, Càng Châu, Đèo Sắt, Bãi Gia	NTD	2,00	RSX	xã Đồng Hưu	2016-2020	
	Nghĩa trang nhân dân tập trung	NTD	10,00	RSX	xã Đồng Vương	2016-2020	
	Nghĩa trang nhân dân thôn Thiều	NTD	0,20	CLN	xã Đồng Lạc	2016-2020	
	Nghĩa trang nhân dân Góc Bông	NTD	0,25	RSX	xã Đồng Tiến	2016-2020	
	Nghĩa trang nhân dân bản Nà Táng	NTD	0,20	RSX	xã Canh Nậu	2016-2020	
	Mở rộng nghĩa trang nhân dân bản Ao Thuần	NTD	0,50	LUA	xã Canh Nậu	2016-2020	
	Mở rộng nghĩa trang nhân dân Đền Hồng, Trại Sáu	NTD	0,85	LUA	xã Hồng Kỳ	2016-2020	
	Nghĩa trang Liệt sĩ tại Đền Giếng	NTD	0,50	LUA	xã Hồng Kỳ	2016-2020	
	Mở rộng nghĩa trang nhân dân Đồng Gián, bản Xoan, bản Na Lu	NTD	1,55	CLN	xã Xuân Lương	2016-2020	
	Mở rộng nghĩa trang nhân dân thôn Bờ Mạn	NTD	0,30	HNK	xã Hương Vĩ	2017	
	Nghĩa trang nhân dân thôn Chè, Yên Cư	NTD	0,20	HNK	xã Tân Sỏi	2017	
22	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm		27,55				
	Đất sản xuất vật liệu xây dựng tại xã Bồ Hạ	SKX	3,40	HNK	xã Bồ Hạ	2016	
	Đất sản xuất vật liệu xây dựng tại xã Đông Sơn	SKX	2,00	HNK	xã Đông Sơn	2016-2020	
	Khu khai thác đất dùng san lấp mặt bằng	SKX	2,25	RSX	xã Tân Hiệp	2016	
	Đất sản xuất vật liệu xây dựng tại Trại Sáu, xã Hồng Kỳ	SKX	1,50	CLN	xã Hồng Kỳ	2016-2020	
	Đất sản xuất vật liệu xây dựng tại bản Cầu Tư, xã Hồng Kỳ	SKX	0,30	RSX	xã Hồng Kỳ		
	Đất sản xuất vật liệu xây dựng tại bản Làng Dưới, xã Xuân Lương	SKX	1,00	CLN	xã Xuân Lương	2017	
	Đất sản xuất vật liệu xây dựng xã Hương Vĩ	SKX	0,20	HNK	xã Hương Vĩ	2017	
	Đất sản xuất vật liệu xây dựng tại thôn Đồng Tân, xã Đồng Vương	SKX	10,00	RSX	xã Đồng Vương	2017	
	Đất sản xuất vật liệu xây dựng tại thôn Trường Sơn, xã Đông Sơn	SKX	1,90	CLN	xã Đông Sơn	2017	
	Đất sản xuất vật liệu xây dựng tại thôn Trại Mới, xã Đông Hưu	SKX	3,00	RSX	xã Đông Hưu	2017	
	Đất sản xuất gạch Tuynel tại xã Tam Tiến	SKX	2,00	RSX	xã Tam Tiến	2016-2020	
23	Đất sinh hoạt cộng đồng		11,10				
	Nhà văn hóa phố Bà Ba	DSH	0,20	LUA	TT. Cầu Gò	2016-2020	
	Mở rộng nhà văn hoá thôn Gia Lâm	DSH	0,12	MNC	TT. Bồ Hạ	2016	

STT	Hạng mục	Mã loại đất quy hoạch	Diện tích quy hoạch (ha)	Sử dụng vào loại đất (hiện trạng)	Địa điểm (đến cấp xã)	Năm thực hiện	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Nhà văn hóa Cống Huyện	DSH	0,92	LUA	xã Đồng Kỳ	2016-2020	
	Nhà văn hóa thôn Đồng Lân	DSH	0,35	HNK	xã Đồng Kỳ	2017	
			0,05	DGT	xã Đồng Kỳ	2017	
	Nhà văn hóa thôn Trại Chuối 2, Đồng Tâm, Ngõ 2	DSH	0,55	HNK	xã Đồng Kỳ	2017	
	Nhà văn hóa thôn Hối, thôn Chẽ	DSH	0,40	LUA	xã Phồn Xương	2016	
	Mở rộng nhà văn hoá thôn Chùa, thôn Phan, thôn Mạc 2	DSH	0,39	DTT	xã Phồn Xương	2016	
	Nhà văn hóa thôn Sỏi, Yên Cư	DSH	1,00	LUA	xã Tân Sỏi	2016	
	Nhà văn hóa thôn Tân An	DSH	0,05	LUA	xã Bồ Hạ	2016	
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Vòng Huyện	DSH	0,55	HNK	xã Bồ Hạ	2016	
	Mở rộng khu văn hóa thôn Sỏi	DSH	0,08	HNK	xã Bồ Hạ	2016	
	Mở rộng nhà văn hoá Tân Tiến	DSH	0,02	CLN	xã Đồng Tâm	2016	
	Nhà văn hoá và sân thể thao thôn Hợp Thắng, La Thành	DSH	0,70	HNK	xã Tiên Thắng	2016	
	Nhà văn hoá thôn Tiên Thịnh	DSH	0,15	CLN	xã Tiên Thắng	2017	
	Nhà văn hoá thôn Chùa, Đồng Gia	DSH	1,15	LUA	xã Tân Hiệp	2016-2020	
	Nhà văn hoá Thái Hà	DSH	0,20	LUA	xã Đồng Hưu	2016-2020	
	Nhà văn hoá Bãi Gianh, Mỏ Hung	DSH	0,40	HNK	xã Đồng Hưu	2016-2020	
	Mở rộng nhà văn hoá Ao Giáo	DSH	0,10	HNK	xã Đồng Hưu	2016-2020	
	Nhà văn hoá Trại Vành	DSH	0,20	CLN	xã Đồng Hưu	2016-2020	
	Mở rộng nhà văn hoá Gia Bình	DSH	0,05	CLN	xã Đồng Hưu	2016	
	Mở rộng nhà văn hoá bản Đồng Tân, Thái Hà, Đồng Đăng, Bình Minh.	DSH	0,25	LUA	xã Đồng Vương	2016-2020	
	Nhà văn hoá bản Trảng Bản, La Lanh, Trại Tre	DSH	0,22	LUA	xã Đồng Vương	2016-2020	
	Mở rộng nhà văn hóa thôn Chi Chèo, thôn Vàng	DSH	0,17	LUA	xã Đồng Lạc	2016	
	Nhà văn hoá thôn Đồng An, Góc Bồng, Khe Ngọn, Trại Hạ, Trại Mâm, Cây Thị	DSH	0,25	RSX	xã Đồng Tiến	2016-2020	
		DSH	0,61	LUA	xã Đồng Tiến	2016-2020	
	Nhà văn hoá bản Đồng Cả, Cồn Trang, Trại Song, Dốc Đơ, Lò Than, Ao Thuần, Cò Đây, bản Đình, bản Chay, Khuôn Đồng	DSH	0,70	LUA	xã Canh Nậu	2016-2020	
		DSH	0,10	CLN	xã Canh Nậu	2016-2020	
		DSH	0,10	DGD	xã Canh Nậu	2016-2020	
		DSH	0,10	RSX	xã Canh Nậu	2016-2020	
	Nhà văn hoá Đền Giêng, Trại Sáu	DSH	0,15	LUA	xã Hồng Kỳ	2016	
	Nhà văn hoá bản Xuân Mội	DSH	0,06	DTT	xã Xuân Lương	2016-2020	
	Nhà văn hoá bản Nam Cầu, Thượng Đông	DSH	0,14	LUA	xã Xuân Lương	2016-2020	
	Nhà văn hoá bản Mỏ, Đồng Gia, bản Nghè, bản Xoan	DSH	0,26	DGD	xã Xuân Lương	2016-2020	
	Nhà văn hoá bản Tam Kha, Làng Trên, bản Gián, bản Ven	DSH	0,36	HNK	xã Xuân Lương	2016-2020	



STT	Hạng mục	Mã loại đất quy hoạch	Diện tích quy hoạch (ha)	Sử dụng vào loại đất (hiện trạng)	Địa điểm (đến cấp xã)	Năm thực hiện	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
24	Đất khu vui chơi giải trí công cộng		3,95				
	Khu vui chơi giải trí tại phố Cà Dinh	DKV	1,45	LUA	TT. Cầu Gò	2016-2020	
	Khu du lịch sinh thái Đèo Ngà	DKV	2,50	RSX	xã Xuân Lương	2016-2020	
25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	48,00				
	Quy hoạch Hồ Quỳnh	MNC	2,68	RSX	xã Xuân Lương	2016	
		MNC	7,36	HNK	xã Xuân Lương	2016	
		MNC	4,50	LUA	xã Xuân Lương	2016	
		MNC	33,46	LUA	xã Xuân Lương	2016	